

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v: “*Tranh chấp đòi lại
di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Ông Huỳnh Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp đòi lại di sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-DS ngày 23/7/20120 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-DS, ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Văn Th, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Cao Thị Ng, sinh năm 1960 (chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ng gồm:

- Ông Phan Tự D, sinh năm 1956 (vắng mặt)

- Anh Phan Thế B, sinh năm 1985 (có mặt)

- Chị Phan Thị Minh Th, sinh năm 1987 (vắng mặt)

- Chị Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1993 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Định A, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Phan Thị Thùy Ng, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, chị Th, chị Ng: Anh Phan Thế B, sinh năm 1985, địa chỉ ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh, văn bản ủy quyền ngày 16/7/2020.

3. Bà Cao Thị Nh, sinh năm 1957 (chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nh gồm:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956 (vắng mặt)
 - Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1979 (vắng mặt)
 - Anh Nguyễn Trung G, sinh năm 1981 (vắng mặt)
 - Chị Nguyễn Thị Diễm Ph, sinh năm 1985 (vắng mặt)
 - Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1986 (vắng mặt)
 - Anh Nguyễn Út T, sinh năm 1988 (có mặt)
 - Chị Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh năm 1992 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, anh H, anh G, chị Ph, chị Ph, chị L: Anh Nguyễn Út T, sinh năm 1988, địa chỉ ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh, văn bản ủy quyền ngày 08/7/2019, 26/6/2019, 01/02/2020.

Bị đơn: Anh Trương Mỹ Ph, sinh năm 1968, chị Cao Thị Hoàng O, sinh năm 1969. Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phan Thị Minh Th, sinh năm 1987 (vắng mặt)
 - Chị Phan Thị Thùy Ng, sinh năm 1989 (vắng mặt)
 - Chị Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1993 (có mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Lâm Thị Á, sinh năm 1948 (vắng mặt)
- Anh Trương Hoàng M, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th, chị Ng: Chị Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1993; địa chỉ ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền 04/9/2018.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Á, Hoàng M: Chị Cao Thị Hoàng O, sinh năm 1969; địa chỉ Khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Cao Văn Th trình bày và có yêu cầu như sau:

Cha mẹ ông là ông Cao Văn N (chết năm 1967 là liệt sĩ) và mẹ là Trần Thị L (chết năm 2011), cha mẹ có 04 người con gồm: Cao Văn D (chết năm 1993), Cao Văn Th, Cao Thị Nh (chết 2019), Cao Thị Ng (chết 2020).

Về nguồn gốc 03 căn nhà gắn với đất là của cụ Trần Thị L tự tạo lập thửa đất 38^c, diện tích 1880, đất tại khóm 1, thị trấn M, có kê khai trong sổ bộ địa chính, năm 1992 cụ Liễu được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, trong quá trình sử dụng có tách thửa nên diện tích còn lại 507m², nay là thửa 801, tờ bản đồ số 5, tọa lạc khóm 1, thị trấn M, huyện C, đã được UBND huyện C xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến khi giao giấy chứng nhận phát hiện cụ L chết trước khi được cấp giấy nên UBND huyện C có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Khoảng năm 2010 thì cụ L có cho cháu nội là Cao Thị Hoàng O và cháu rể là Trương Mỹ Ph để nhờ hàng hóa trong nhà và tới lui thăm nuôi cụ. Đến năm 2011 cụ L chết thì anh em của ông cũng đồng ý cho vợ chồng O, Ph ở để quản lý di sản và thờ cúng ông bà nhưng thời gian ở O, Ph cho rằng nhà đất này là của O, Ph và nhiều lần ông về nhà cụ L thăm nom, thờ cúng nhưng O, Ph không tạo điều kiện cho ông vào nhà, do đó ông Th tranh chấp yêu cầu được quyền quản lý nhà, đất.

Cụ L chết không để lại di chúc. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Th buộc anh Trương Mỹ Ph, chị Cao Thị Hoàng O giao trả nhà, đất là di sản do cụ Trần Thị L (chết) để lại, theo kết quả thẩm định, đo đạc cụ thể gồm 03 căn nhà như hiện nay: nhà số 1 là nhà tình nghĩa xây dựng năm 2010 diện tích 95m² nhà này cụ L được Nhà nước cho 18.000.000đ và cụ L tự chi tiền thêm để xây dựng cơ bản; nhà số 2 (liền kề) diện tích 61,1m², cụ L xây dựng khoảng năm 1973; nhà số 3 (nhà bếp) diện tích 60m², cụ L xây dựng khoảng năm 1984, các căn nhà gắn với diện tích đất đo đạc còn lại 473m², thuộc thửa 801, tờ bản đồ số 5, loại đất ở, tọa lạc khóm 1, thị trấn M, huyện C cho ông được quyền quản lý, sử dụng thờ cúng ông bà.

Đối với nhà số 02, nhà số 03 thời gian ở O, Ph có sửa chữa nâng nền, pe tường, lợp tol lại và cất thêm mái che, xây rào, nhà tắm các công trình này là do O, Ph tự ý sửa chữa không được đồng ý của anh em ông nên ông không đồng ý bồi thường. Ngoài ra còn có cây trái trên đất theo kết quả thẩm định O, Ph cho rằng O, Ph trồng nên yêu cầu di dời đi, ông Th không tranh chấp.

- Về khoản tiền cụ L vay 80.000.000đ là vay dùm cho O, Ph 40.000.000đ, cho ông, bà Ng và bà Nh 40.000.000đ. Phần vay dùm thì ông, bà Ng, bà Nh đã đưa trả cho cụ L trả xong, còn phần 40.000.000đ là trách nhiệm của O, Ph nên nợ này là O, Ph tự có trách nhiệm trả cho cụ L chứ không phải trả tiền lấy nhà, đất này.

Ngoài ra, tại phiên tòa ông Th trình bày nếu không giao cho ông quản lý di sản nhà, đất này thì ông cũng đồng ý để cháu O được tiếp tục quản lý, thờ cúng mà yêu cầu không cấp quyền sử dụng cho O, Ph.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Út T, anh Nguyễn Văn B trình bày ý kiến, yêu cầu sau:

Anh T, anh B thống nhất những lời trình bày và các yêu cầu của ông Cao Văn Th về mối quan hệ gia đình và phân di sản cụ Trần Thị L là bà ngoại chết để lại theo kết quả thẩm định, đo đạc gồm 03 căn nhà cơ bản gắn liền với diện tích đất còn lại 473m², thuộc thửa 801, tờ bản đồ số 5, loại đất ở, tọa lạc khóm 1, thị trấn M, huyện C. Hiện do chị O, anh Ph đang quản lý sử dụng, thờ cúng.

Do đó, các anh yêu cầu chị Cao Thị Hoàng O, anh Trương Mỹ Ph giao lại nhà, đất cho ông Th được quyền quản lý, sử dụng thờ cúng.

Đối với căn nhà số 1 (nhà tình nghĩa là do cụ L được Nhà nước cho 18.000.000đ, phần còn lại cụ L tự bỏ chi phí xây dựng thêm. Đối với nhà số 02, 03 thời gian ở chị O, anh Ph có sửa chữa lại và cất thêm mái che, xây hàng rào, nhà tắm, lát nền sân, các công trình này là do O, Ph tự ý sửa chữa không được đồng ý của mẹ các anh nên các anh không đồng ý trả chi phí cho chị O, anh Ph. Ngoài ra, còn có cây trái trên đất theo kết quả thẩm định chị O, anh Ph cho rằng anh chị trồng thì yêu cầu chị O, anh Ph di dời đi, các anh không tranh chấp. Ngoài ra không có tranh chấp gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Cao Thị Hoàng Oanh trình bày ý kiến, yêu cầu sau:

Chị O thống nhất theo trình bày của ông Cao Văn Th về mối quan hệ gia đình có ông nội là Cao Văn N (chết năm 1967 là liệt sĩ) và bà nội là Trần Thị L (chết năm 2011), ông bà có 04 người con gồm: Cao Văn D (chết năm 1993), Cao Văn Th, Cao Thị Nh (chết 2019), Cao Thị Ng (chết 2020). Chị là con của ông Cao Văn D. Anh Trương Mỹ Ph là chồng chị là cháu rể.

Chị thừa nhận trước khi bà nội Trần Thị L chết có tài sản gồm 03 căn nhà củ gắn liền với thửa đất 801, tờ bản đồ số 5, loại đất ở, tọa lạc khóm 1, thị trấn M, huyện C.

Nay các nguyên đơn cho rằng nhà, đất hiện nay là di sản của cụ L chết để lại yêu cầu chị và anh Ph giao trả thì chị không đồng ý. Lý do, khoảng năm 1997 cụ L có vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại chi nhánh thị trấn Mỹ Long số tiền 90.000.000đ nhưng không trả được tiền vay nên có quyết định thi hành án, thi hành phát mãi tài sản nhà, đất trên. Qua nhiều năm phát mãi bà Ng, bà Nh, ông Th ai cũng biết nhưng không ai trả, sau đó đại diện Ngân hàng và đại diện cơ quan Thi hành án huyện Cầu Ngang và đại diện UBND thị trấn Mỹ Long động viên vợ chồng chị trả tiền cho cụ L xem như mua tài sản phát mãi, sau này làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng nhà, đất này cho anh chị được hưởng, do đó anh chị đồng ý trả nợ để lấy nhà, đất nhưng khi trả tiền xong chị yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét sang tên nhà, đất cho chị và anh Ph mà không thực hiện được, trong khi đợi cụ L được cấp giấy chứng nhận lại thì chị và anh Ph sẽ làm thủ tục sang tên nhà, đất cho anh chị nhưng cụ L chết lúc đang sang tên cho cụ nên chưa sang tên lại cho anh, chị, vì vậy các nguyên đơn phát sinh tranh chấp đòi di sản thừa kế từ năm 2018 đến nay.

Năm 2008, chị về ở chung cụ L quản lý nhà, đất thì ông Th, bà Ng, bà Nh và những người trong gia đình ai cũng biết, không ai ngăn cản, năm 2009 trả nợ xong, đến năm 2010 Nhà nước có xét cho cụ L 25.000.000đ để xây dựng nhà tình nghĩa (nhà số 1), do nhà xuống cấp nên đập bỏ toàn bộ căn nhà cũ và vợ chồng chị có phụ tiền khoảng 200.000.000đ để xây dựng mới; đối với căn nhà số 02 kế tiếp đã cũ, tại thời điểm phát mại có giá là 25.132.000đ, từ đó cụ L không sửa chữa gì thêm. Đến năm 2014 thì chị và anh Ph có sửa chữa lại như nâng nền, pê lại, lợp tol làm mới chi phí khoảng 20.000.000đ; căn nhà số 03 nhà bếp xây dựng đã lâu, thời điểm phát mại có giá trị là 10.522.800đ sau đó thì cụ L cũng không sửa chữa gì thêm, sau này chị ở có sửa chữa lợp tol lại, không nhớ chi phí bao nhiêu. Ngoài ra còn xây dựng nhiều công trình khác như máy che, xây hàng rào, nhà tắm, lán nền sân và trồng các cây trái trên đất, không ai ngăn cản;

Như vậy phần di sản cụ L có được là 25.000.000đ Nhà nước cho xây dựng nhà tình nghĩa, còn nhà, đất xem như chị và anh Ph đã mua từ hoạt động phát mại và chi phí vào xây dựng, sửa chữa lại, xây dựng thêm một số công trình phụ và trồng cây trái nên không còn của cụ L, nay không đồng ý giao quyền quản lý nhà, đất này, không di dời cây trái theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Trương Mỹ Ph trình bày ý kiến sau: Thống nhất trình bày của vợ anh là Cao Thị Hoàng O và bổ sung ý kiến như sau:

Nguyên đơn ông Th, anh B và anh T xác định toàn bộ các căn nhà và gắn liền với đất theo kết quả đo đạc diện tích đất còn lại là 473m² cho rằng là di sản của cụ L chết để lại yêu cầu buộc anh và chị O phải trả lại thì anh không đồng ý. Lý do, nhà, đất bị cơ quan Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang phát mại bán để thu hồi tiền vay mà cụ L nợ nên anh và chị O đã trả tiền nợ mua lại nhà, đất các nguyên đơn đều biết nhưng nay các nguyên đơn cho rằng khoảng nợ vay là của anh chị tự có trách nhiệm trả là không đúng. Ngoài ra về phần căn nhà tình nghĩa thì cụ L chỉ có 25.000.000đ của Nhà nước cho, phần chi phí còn lại thì vợ chồng anh mua và trực tiếp chi trả (có nộp các giấy tờ mua bán); đối với căn nhà số 02, 03 thì vợ chồng anh chi tiền sửa mới và còn xây dựng một số công trình khác như máy che, lán sân, xây nhà tắm, xây rào, quản lý đất, trồng cây trái trên đất như kết quả thẩm định.

Đồng thời, khi cụ L chết thì các nguyên đơn ai cũng đồng ý để vợ chồng anh ở quản lý nhà, đất này, biết rõ nhà xuống cấp cần phải sửa chữa để đảm bảo việc sinh hoạt gia đình. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là không đảm bảo quyền lợi của anh, chị O nên anh không đồng ý giao trả nhà, đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Phan Thị Mỹ H trình bày: Chị là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ng, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị cũng thống nhất những lời trình bày và các yêu cầu của ông Cao Văn Th, yêu cầu anh Phước, chị O giao trả di sản là nhà và đất cho ông Th được quyền quản lý, sử dụng thờ cúng ông bà mà không

trả chi phí về việc xây dựng, sửa chữa các căn nhà, xây dựng các công trình phụ và di dời cây trái có trên đất.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 612, 616, 617 của Bộ luật dân sự. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại di sản thừa kế là các căn nhà, nhà số 1 là nhà tình nghĩa diện tích 95m², nhà số 2 (liền kề) diện tích 61,1m², nhà số 3 (nhà bếp) diện tích 60m², các căn nhà gắn liền với diện tích đất đo đạc còn lại 473m², thuộc thửa 801, tờ bản đồ số 5, loại đất ở, tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang cho ông Th được quyền quản lý, sử dụng thờ cúng mà không trả chi phí về việc xây dựng, sửa chữa các căn nhà, xây dựng các công trình phụ và di dời cây trái có trên đất. Đề nghị giao chị Cao Thị Hoàng O tiếp tục quản lý 03 căn nhà và toàn bộ thửa đất 801 nêu trên. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị xét ông Th là con liệt sĩ để miễn án phí cho ông Th; đề nghị buộc những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Ng (chết), bà Nh (chết) nộp án phí theo quy định. Về chi phí thẩm định, định giá đề nghị buộc ông Th và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Ng (chết), bà Nh (chết) phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy các đồng nguyên đơn là ông Cao Văn Th, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Thị Ng (chết) và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Thị Nh (chết) khởi kiện đối với chị Cao Thị Hoàng O và anh Trương Mỹ Ph yêu cầu đòi lại quyền quản lý di sản thừa kế. Căn cứ khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế di sản cụ thể “Đòi lại di sản thừa kế (quyền quản lý di sản)” và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về mối quan hệ: Các bên xác nhận cụ Cao Văn N (chết năm 1967 là liệt sĩ) và cụ Trần Thị L (chết năm 2011), gồm có 04 người con là Cao Văn D (chết năm 1993), Cao Văn Th, Cao Thị Nh (chết 2019), Cao Thị Ng (chết 2020).

Chị Cao Thị Hoàng O là con của ông Cao Văn D (chết). Anh Trương Mỹ Ph là chồng chị O là cháu rể.

[3] Xét về di sản là thửa đất tranh chấp:

- Căn cứ vào lời trình bày và các tài liệu chứng cứ của các đồng nguyên đơn cung cấp xác nhận nguồn gốc thửa 801, tờ bản đồ số 5, diện tích đất còn lại 473m², loại đất ở, tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang là của cụ Trần Thị L chết để lại, là có cơ sở. Bởi lẽ, thửa đất này do cụ L kê khai trong sổ bộ địa chính và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992, diện tích 1880m² thửa 38c, sau đó có tách thửa một phần, phần còn lại hiện là thửa 801 đang tranh chấp. Thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho cụ L vào ngày 23/8/2011 nhưng bị Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang thu hồi giấy chứng nhận, lý do cụ L chết trước khi cấp giấy chứng nhận và những người thừa kế di sản phát sinh tranh chấp nên Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

- Xét lời trình bày và các tài liệu chứng cứ của bị đơn cung cấp, xác nhận nguồn gốc thửa 801, tờ bản đồ số 5, diện tích đất còn lại 473m², loại đất ở, tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang là tài sản của cụ L có trước khi chết, hiện nay không phải là di sản, là chưa có cơ sở chấp nhận.

Bởi lẽ, chị O, anh Ph trình bày năm 2009 đã mua thửa đất này từ hoạt động phát mãi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, mặc dù chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Qua xem xét thu thập tài liệu chứng cứ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang cung cấp và chứng cứ của anh Ph, chị O cung cấp xác định có việc kê biên phát mãi nhà, đất để thu hồi vốn vay mà cụ L vay nhưng qua phúc đáp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang xác định anh Ph, chị O không phải mua nhà, đất này từ hoạt động phát mãi mà thỏa thuận trả nợ thay cho cụ L, cho nên Chi cục Thi hành án không làm thủ tục chuyển giao tài sản này cho anh Ph chị O. Do đó, Hội đồng xét xử, xác định việc trả nợ thay là phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như trình bày của anh Phước chị O, trả nợ dần từ năm 2008 đến 2009 mới hết nợ. Khi trả nợ xong thì cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn để anh chị cùng bà L làm hợp đồng giao quyền sử dụng thửa đất cho anh chị nhưng cụ L chết chưa hoàn thành việc sang tên thửa đất đến nay nên xét phần đất là di sản của cụ L.

[4] Xét di sản là các căn nhà tranh chấp:

- Về căn nhà 1 (nhà tình nghĩa): Các đồng nguyên đơn xác định nhà tình nghĩa là di sản của cụ L, cụ thể năm 2010 cụ được Nhà nước cho 18.000.000đ để xây dựng mới, lúc đó cụ L tự chi phí thêm để xây dựng căn nhà giá trị như Hội đồng định giá đã định giá 124.421.500đ. Xét lời trình bày của các nguyên đơn là chưa có cơ sở chấp nhận toàn bộ. Bởi lẽ, việc Nhà nước xét cấp 25.000.000đ cho cụ L xây nhà tình nghĩa được bị đơn xác nhận. Đối với phần chi phí phụ vào để xây dựng căn nhà lớn có giá trị như định giá là 124.421.500đ các nguyên đơn cho rằng cụ L tự bỏ chi phí xây dựng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh sự việc, phía bị đơn cho rằng phần chi phí phụ xây dựng căn nhà này là do bị đơn chi phí xây dựng, có cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc mua bán vật liệu xây

dựng, trực tiếp chi trả các khoản mua xây dựng căn nhà và việc xây dựng nhà này được anh Nguyễn Út T xác nhận các khoản chi thêm xây dựng nhà tình nghĩa là do anh Ph, chị O chi trả (bút lục 236, 237, 238) ai cũng biết.

Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ xác định phân di sản của cụ L là 25.000.000 đồng.

[5] Xét căn nhà 02 (nhà giữa) và nhà 03 (nhà bếp): Phía nguyên đơn xác định các căn nhà số 02, 03 là di sản của cụ L mặc dù không có sửa chữa mới mà do chị O, anh Ph tự sửa chữa, xây dựng thêm. Xét lời khai của nguyên đơn toàn bộ nhà số 02, 03 như hiện nay là di sản là chưa có cơ sở vì hiện nay các căn nhà được sửa chữa làm mới là có thật các nguyên đơn đều biết.

Phía chị O, anh Ph đồng ý nhà số 02 giá trị còn lại 25.132.000đ, nhà số 03 giá trị còn lại 10.522.800đ theo biên bản cưỡng chế của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang năm 2002 (để tính giá phát mãi), là tài sản của cụ L nhưng anh chị đã mua lại từ hoạt động phát mãi và hiện nay anh chị đã sửa chữa mới nên không còn là di sản là chưa có cơ sở. Vì anh chị không cung cấp chứng cứ về việc mua bán, đồng thời Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang xác nhận không phải mua, bán mà là trả nợ thay.

Do đó, xác định căn nhà số 02, số 03 vẫn còn một phần là di sản của cụ L, theo xác nhận của các bên giá trị theo biên bản cưỡng chế của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang tại thời điểm phát mãi.

[6] Xét quá trình ở sử dụng, quản lý di sản: Chị O ở chung cụ L trong nhà đất này từ năm 2008-2009. Đến 2010 thì cất nhà tình nghĩa, ở chăm sóc, nuôi dưỡng cụ L đến khi chết là có thật, được phía nguyên đơn thừa nhận. Năm 2011 các nguyên đơn đồng ý việc chị O, anh Ph về ở chung chăm sóc, phụng dưỡng cụ L đến khi chết và thờ cúng, thời gian ở quản lý tốt di sản đến nay.

[7] Xét yêu cầu đòi lại quyền quản lý di sản của các đồng nguyên đơn buộc bị đơn trả lại di sản 03 căn nhà gồm nhà số 1 (nhà tình nghĩa) diện tích 95m², nhà số 2 (liền kề) diện tích 61,1m², nhà số 3 (nhà bếp) diện tích 60m², các căn nhà gắn liền với diện tích đất đo đạc còn lại 473m², thuộc thửa 801, tờ bản đồ số 5, loại đất ở, tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang và di dời các cây trái trên đất để giao toàn bộ nhà, đất cho ông Th quản lý, sử dụng thờ cúng và không phải trả chi phí xây dựng, sửa chữa cho bị đơn. Yêu cầu này của nguyên đơn là chưa thỏa đáng, chưa có cơ sở. Bởi lẽ:

- Trong thời gian ở, quản lý, sử dụng nhà, đất thì chị O, anh Ph đã chi phí xây dựng nhà tình nghĩa là khoảng 200.000.000đ có chứng từ kèm theo (phần chi phí của cụ Liễu chỉ 25.000.000đ), hiện nay căn nhà này được định giá 124.421.500đ; sửa chữa mới nhà số 02 giá trị định giá là 72.666.230đ, số 03 giá trị định giá là 24.360.000đ, ngoài ra còn xây rào, lán sân, cất mái che, trồng một số cây trái trên đất để đảm bảo tài sản không bị hư hỏng mà phía nguyên đơn đều biết. Xét đây là công sức bảo quản, bồi dưỡng di sản trong quá trình ở, quản lý, sử dụng nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận xem xét chi trả thỏa đáng

cho bị đơn, là chưa phù hợp quy định pháp luật tại điều 618 của Bộ luật dân sự về công sức, bồi dưỡng, tôn tạo trong quá trình quản lý sử dụng di sản.

- Nguyên đơn và những người kế thừa cho rằng cụ L nợ Ngân hàng số tiền 80.000.000đ là do cụ L vay dùm O, Ph nên O, Ph phải có trách nhiệm trả cho cụ L. Xét lời khai của các nguyên đơn là chưa có cơ sở, vì không có chứng cứ chứng minh và sự việc không được bị đơn chấp nhận mà xác định khoản vay của cụ L đúng giấy tờ vay theo quyết định số 12/QĐ-TA.2001, ngày 12/4/2001 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, không phải vay dùm. Riêng anh Ph, chị O cho rằng chi tiền mua tài sản phát mãi chứ không phải trả thay nhưng không đủ chứng cứ chứng minh để xem xét.

Do đó, Hội đồng xét, xử xét thấy đây là nghĩa vụ trả nợ của người chết để lại mà nguyên đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn không đồng ý xem xét trả cho bị đơn mà đòi lại di sản là chưa phù hợp quy định pháp luật tại Điều 615 của Bộ luật dân sự.

- Xét về mối quan hệ thì chị O là con của ông Cao Văn D (chết 1993) thuộc hàng thừa kế thế vị và chị sống chung với cụ L từ trước đến khi chết và gia đình ai cũng đồng ý cho ở quản lý nhà đất nên có quyền quản lý di sản nhưng nguyên đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn không yêu cầu chia di sản thừa kế để bảo đảm quyền lợi của các bên mà xác định yêu cầu đòi toàn bộ di sản nên yêu cầu này chưa có cơ sở, ảnh hưởng quyền lợi các đồng thừa kế (các con của ông Cao Văn D được hưởng một suất thừa kế). Do các bên xác định đòi lại di sản chứ không tranh chấp chia thừa kế nên không đưa các con của ông D vào tham gia tố tụng, việc giải quyết không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người này.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử, xét thấy chưa có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. Hiện các căn nhà, đất này chị O, anh Ph đang quản lý có phần là di sản thừa kế nhưng các đương sự không yêu cầu chia thừa kế và ý kiến của nguyên đơn nếu không giao quyền quản lý di sản cho ông Th thì đồng ý để chị O tiếp tục quản lý (không cấp quyền sử dụng) nên cần giao cho chị O được tiếp tục quản lý sử dụng di sản, thực hiện quyền và nghĩa của người quản lý di sản theo quy định tại điều 617, 618 của Bộ luật dân sự, việc xem xét là không vượt yêu cầu của đương sự.

[8] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người đứng về phía nguyên đơn và đứng về phía bị đơn, không có tranh chấp yêu cầu độc lập trong vụ kiện nên không xem xét.

[9] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và hồ sơ cấp đất: Do yêu cầu của các đồng nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc các đồng nguyên đơn phải chịu toàn bộ về chi phí thẩm định, định giá số tiền 2.043.216đ và chi phí trích lục hồ sơ cấp đất số tiền là 200.000đ.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Văn Th, những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Thị Ng (chết), những người kế thừa quyền

nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Thị Nh (chết) phải nộp án phí 300.000đ do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận. Xét ông Th là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí đúng quy định nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho ông Th theo quy định. Riêng những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nh (chết) và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Ng (chết) phải nộp 2/3 số tiền án phí là 200.000đ.

[11] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và xem xét nghĩa vụ nộp án phí của nguyên đơn và các khoản chi phí tố tụng khác theo qui định pháp luật là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 05 Điều 26; Điều 35, 39, 147, 157, 165, khoản 2 Điều 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 612, 615, 616, 617, 618 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, 14, 15, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm ông Cao Văn Th, những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Thị Ng (chết) gồm ông Phan Tự D, anh Phan Thế B, chị Phan Thị Mỹ H, chị Phan Thị Thùy Ng, chị Phan Thị Minh Th và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Thị Nh (chết) gồm ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Trung Gi, chị Nguyễn Thị Diễm Ph, chị Nguyễn Thị Ngọc Ph, chị Nguyễn Thị Bé L, anh Nguyễn Út T về việc yêu cầu đòi lại di sản thừa kế để quản lý thờ cúng gồm căn nhà tình nghĩa diện tích 95m² (ngang 5m, dài 19m), nhà số 2 (liền kề) diện tích 61,1m² (ngang 6m, dài 10,2m), nhà số 3 (nhà bếp) diện tích 60m² (ngang 8m, dài 8,5m) gắn với thửa đất 801, tờ bản đồ số 5, diện tích đất còn lại 473m², loại đất ở, tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang mà không trả chi phí xây dựng, sửa chữa nhà, các công trình phụ và di dời cây trái có trên đất.

Chị Cao Thị Hoàng O là người đang quản lý di sản được tiếp tục quản lý di sản gồm căn nhà tình nghĩa diện tích 95m² (ngang 5m, dài 19m), nhà số 2 (liền kề) diện tích 61,1m² (ngang 6m, dài 10,2m), nhà số 3 (nhà bếp) diện tích 60m² (ngang 8m, dài 8,5m) các căn nhà gắn với thửa đất 801, tờ bản đồ số 5, diện tích đất còn lại 473m², loại đất ở, tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang và thực hiện quyền, nghĩa của người quản lý di sản theo quy định.

Phần diện tích đất 473m² có từ cận theo sơ đồ khu đất, kèm theo Công văn số 154/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 16/8/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh-Chi nhánh huyện Cầu Ngang.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Miễn toàn bộ án phí cho ông Cao Văn Th.

+ Buộc ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Trung Gi, chị Nguyễn Thị Diễm Ph, chị Nguyễn Thị Ngọc Ph, chị Nguyễn Thị Bé L, anh Nguyễn Út T, ông Phan Tự D, anh Phan Thế B, chị Phan Thị Mỹ H, chị Phan Thị Thùy Ng, chị Phan Thị Minh Th phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tranh chấp và trích lục hồ sơ: Buộc nguyên đơn gồm ông Cao Văn Th, ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Trung Gi, chị Nguyễn Thị Diễm Ph, chị Nguyễn Thị Ngọc Ph, chị Nguyễn Thị Bé L, anh Nguyễn Út T, ông Phan Tự D, anh Phan Thế B, chị Phan Thị Mỹ H, chị Phan Thị Thùy Ng, chị Phan Thị Minh Th phải nộp chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí trích lục hồ sơ địa chính tổng số tiền 2.243.216 đồng. Các nguyên đơn đã nộp và chỉ đủ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa